

HIỆP ĐỊNH
GIỮA CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ
CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ CUBA VỀ TRAO ĐỔI THƯƠNG MẠI VÀ CÁC HÌNH
THỨC HỢP TÁC KINH TẾ KHÁC
Ngày 08 tháng 04 năm 1996

Với lòng mong muốn củng cố và phát triển quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước, tuân thủ các nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi ích và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế. Hai bên đã thoả thuận như sau:

Điều 1

Hai Bên khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước phù hợp với luật pháp và quy định hiện hành ở mỗi nước.

Điều 2

Hai Bên dành cho nhau chế độ tối huệ quốc trong tất cả các lĩnh vực liên quan đến:

- Thuế hải quan và các khoản thu khác áp dụng đối với xuất khẩu và nhập khẩu, kể cả phương thức thu các khoản thuế và khoản thu đó.
- Các quy định về thủ tục hải quan, quá cảnh, lựu kho, vận chuyển, bốc dỡ hàng hoá.
- Thuế thu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với hàng hoá nhập khẩu. - Phương thức thanh toán và phương thức chuyển các khoản thanh toán đối với hoạt động xuất nhập khẩu.
- Các quy định về mua, bán, vận chuyển và phân phối.
- Những quy tắc và thủ tục liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu.

Điều 3

Những quy định của Điều 2 không áp dụng đối với:

- a) Những ưu đãi mà một trong hai Bên ký kết đã hoặc sẽ dành cho các nước láng giềng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mậu dịch biên giới.
- b) Những ưu đãi mà một trong hai Bên ký kết đã hoặc có thể dành cho nước cùng tham gia với mình trong các khu mậu dịch tự do, liên minh thuế quan, các Hiệp định kinh tế khu vực hoặc các Hiệp định khác do các Bên đã hoặc sẽ dành cho các nước khác theo thể thức đặc biệt:

Điều 4

Các điều khoản của Hiệp định này không hạn chế quyền của mỗi Bên áp dụng các biện pháp cấm hoặc hạn chế nhằm:

- Bảo vệ an ninh quốc gia.
- Bảo vệ môi trường, sức khoẻ nhân dân, phòng ngừa các dịch bệnh đối với động vật và thực vật.
- Bảo vệ các giá trị văn hoá, nghệ thuật, lịch sử và khảo cổ.

Tuy nhiên, việc cấm và những hạn chế đó không được trở thành phương tiện phân biệt đối xử, cản trở không chính đáng đối với việc buôn bán giữa hai nước.

Điều 5

Việc giao hàng và cung cấp dịch vụ giữa các tổ chức hoạt động kinh tế đối ngoại (sau đây gọi tắt là chủ thể) của hai nước sẽ được thực hiện trên cơ sở các hợp đồng ký kết theo những quy định của Hiệp định này, phù hợp với luật pháp hiện hành của mỗi nước và tập quán thương mại quốc tế trên cơ sở giá thị trường thế giới.

Điều 6

Những vấn đề vận tải hàng hoá sẽ do các tổ chức vận tải và các chủ thể tương ứng thoả thuận.

Điều 7

Việc thanh toán giữa các chủ thể sẽ được thực hiện bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, do hai Bên thoả thuận trừ đồng đô-la Mỹ, phù hợp với tập quán buôn bán quốc tế, với luật pháp và các quy định hiện hành ở mỗi nước.

Điều 8

Hai Bên hỗ trợ việc tổ chức các hội chợ, triển lãm thương mại, hội thảo kinh tế - kỹ thuật, cũng như các chuyến viếng thăm của các đoàn và các nhóm thương mại.

Điều 9

Các hàng hoá mà một trong hai Bên mua của Bên kia sẽ được sử dụng hoàn toàn trong nước. Tuy nhiên, có thể tiến hành mua bán đa phương và tái xuất với sự thoả thuận trước của hai nước.

Điều 10

Hai Bên cho phép đưa vào và đem ra các vật dụng sau đây được miễn thuế quan, thuế và thuế hải quan và cách áp dụng phù hợp với luật pháp hiện hành của hai nước:

- Vật dụng sử dụng làm hàng mẫu, để khuyến mại, bao gồm cả phim ảnh không có giá trị thương mại, ca-ta-lô, danh mục giá cả và thông tin thương mại;
- Hàng hoá và vật dụng để triển lãm và hội chợ;
- Hàng hoá, dụng cụ, vật tư và dụng cụ được đưa vào để tiến hành công tác thí nghiệm, sửa chữa với điều kiện phải đưa ra ngoài;
- Vật dụng, dụng cụ và đồ dùng để tiến hành công tác lắp ráp, hợp tác kinh tế - thương mại và khoa học - kỹ thuật với điều kiện phải đưa ra ngoài;
- Công-te-nơ và bao bì đặc biệt sử dụng trong thương mại quốc tế được nhập khẩu với mục đích đóng hàng và đưa ra ngoài.

Thời hạn đưa ra ngoài có thể được xác định tùy thuộc vào mục đích sử dụng của hàng hoá và vật dụng đó.

Điều 11

Các Bên áp dụng những biện pháp cần thiết phù hợp với luật pháp của mỗi nước và tôn trọng các hiệp định quốc tế mà các Bên ký kết để ngăn chặn tại lãnh thổ của mỗi nước việc nhập khẩu các sản phẩm tự nhiên hoặc qua chế biến, xuất xứ từ hai Bên, giả mạo nhãn hiệu, tên gọi, nội dung, xuất xứ, chủng loại, chất lượng sản phẩm.

Điều 12

Các Bên áp dụng những biện pháp cần thiết phù hợp với luật pháp của mỗi nước và tôn trọng các hiệp định quốc tế mà các Bên ký kết để ngăn chặn tại lãnh thổ của mỗi nước việc nhập khẩu các sản phẩm tự nhiên hoặc qua chế biến, xuất xứ từ hai Bên, giả mạo nhãn hiệu, tên gọi, nội dung, xuất xứ, chủng loại, chất lượng sản phẩm.

Điều 13

Trong trường hợp có xuất hiện tình huống bán phá giá hoặc buôn bán không trung thực trong thương mại song phương, Bên bị thiệt hại có thể yêu cầu Bên kia tiến hành tham khảo ý kiến càng sớm càng tốt, nhằm làm sáng tỏ sự việc và đi đến giải pháp hai Bên đều chấp thuận.

Điều 14

Hai Bên khuyến khích việc áp dụng các biện pháp nhằm tạo thuận lợi cho việc cung cấp dịch vụ của Bên này đối với Bên kia. Nhằm mục đích đó, các cơ quan hữu quan hai Bên sẽ đưa ra những đề nghị về vấn đề này, lưu ý đến những nguyên tắc và quy định của thương mại đa phương.

Điều 15

Các Bên khuyến khích việc đầu tư của các công dân và tổ chức của mình trên cơ sở Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư ký kết giữa hai nước và luật pháp hiện hành của mỗi nước.

Điều 16

Các Bên ủng hộ việc phát triển những hình thức buôn bán khác như hàng đổi hàng; thành lập công ty liên doanh giữa các chủ thể của Việt Nam và Cuba trên lãnh thổ hai nước và nước thứ ba, các hình thức hợp tác kinh tế và thương mại khác phù hợp với luật lệ hiện hành ở mỗi nước.

Điều 17

Hai Bên cam kết rằng các quy định kỹ thuật và tiêu chuẩn bao gồm cả những yêu cầu về bao bì và đóng gói, ký mã hiệu và nhãn hiệu, thủ tục đánh giá sự phù hợp với quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật được thiết lập hoặc ban hành trong khuôn khổ luật pháp mỗi nước, không gây những cản trở không cần thiết cho thương mại song phương.

Đặc biệt, hai Bên sẽ tôn trọng và thực hiện những nguyên tắc chủ đạo sau đây:

- a) Phối hợp đồng bộ trong phạm vi có thể giữa tiêu chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp trên cơ sở kinh nghiệm và kết quả công việc của các tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hoá.
- b) Dành cho hàng hoá nhập khẩu từ lãnh thổ của phía Bên kia sự đãi ngộ quốc gia không kém thuận lợi hơn so với sự đối xử dành cho hàng hoá tương tự được nhập vào từ bất cứ một nước nào khác.
- c) Thông báo cho nhau hoặc trao đổi thông tin kịp thời khi ban hành hoặc sửa đổi một biện pháp nào đó về tiêu chuẩn hoá.
- d) Từng bước thừa nhận song phương các hệ thống chứng nhận sản phẩm, hệ t

Điều 18

Mỗi Bên sẽ dành cho các công dân và tổ chức của phía Bên kia, trên lãnh thổ của mình, sự bảo hộ và bảo vệ thích hợp và có hiệu quả về quyền sở hữu trí tuệ với cùng điều kiện như đối với công dân và tổ chức của mình và đảm bảo cho họ có quyền sử dụng các công cụ pháp lý nhằm bảo vệ các quyền đó và khi áp dụng họ phải tuân thủ các điều kiện và thủ tục quy định về vấn đề này

Mọi thuận lợi, ưu đãi, đặc quyền miễn trừ mà một Bên dành cho công dân của nước mình đối với sự sở hữu, mua bán, phạm vi giới hạn, việc duy trì, sử dụng và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ đã nêu sẽ được dành ngay và không điều kiện cho các chủ sở hữu trí tuệ của phía Bên kia.

Điều 19

Các Bên cam kết xem xét định kỳ việc phát triển quan hệ song phương trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, nhằm khuyến khích sự bảo hộ và bảo vệ thích hợp, có hiệu quả về quyền sở hữu trí tuệ, cũng như đảm bảo rằng những biện pháp đưa ra để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ không gây cản trở cho thương mại hợp pháp.

Các Bên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thiết lập chương trình hợp tác kỹ thuật và đào tạo nhân lực trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Điều 20

Hai Bên thoả thuận thành lập Ủy ban hỗn hợp về thương mại là bộ phận của Ủy ban liên Chính phủ hiện hành do Bộ Thương mại Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Ngoại thương Cuba làm đại diện nhằm mục đích xem xét việc thực hiện Hiệp định này và đưa ra các khuyến nghị về những biện pháp nhằm phát triển sự hợp tác kinh tế - thương mại giữa hai nước.

Ủy ban hỗn hợp tiến hành họp luân phiên ở mỗi nước khi cần thiết, tối thiểu mỗi năm một lần.

Điều 21

Hiệp định này phải được phê duyệt phù hợp với luật pháp của mỗi nước và có hiệu lực kể từ ngày nhận được bản công hàm cuối cùng mà các Bên gửi cho nhau, thông báo việc hoàn tất thủ tục phê duyệt.

Hiệp định này có hiệu lực trong thời hạn 5 năm và sẽ mặc nhiên được gia hạn từng năm một, trừ khi một trong hai Bên thông báo cho Bên kia bằng văn bản có ý định chấm dứt hiệu lực Hiệp định ít nhất sáu tháng trước khi Hiệp định hết hiệu lực.

Việc sửa đổi hoặc bổ sung Hiệp định sẽ được hai Bên thoả thuận bằng văn bản và có hiệu lực kể từ ngày nhận được bản công hàm cuối cùng mà các Bên thông báo việc hoàn tất thủ tục phê duyệt phù hợp với luật pháp của mỗi nước.

Bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chấm dứt Hiệp định. Việc chấm dứt Hiệp định sẽ có hiệu lực 180 ngày sau khi thông báo cho phía bên kia bằng văn bản hoặc có thể thoả thuận một thời hạn khác.

Các điều khoản của Hiệp định này sẽ được tiếp tục áp dụng đối với những hợp đồng đã ký trong thời hạn hiệu lực của Hiệp định